

Số: 13/QĐ-YHCT

Hải Phòng, ngày 31 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024
của Bệnh viện Y học cổ truyền

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2015 của UBND Thành phố Hải Phòng về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bệnh viện Y học cổ truyền;

Căn cứ quyết định số 4288/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Theo đề nghị của Phòng tài chính kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách năm 2024 của Bệnh viện Y học cổ truyền (theo biểu đính kèm).

Hình thức công khai: Trên cổng thông tin điện tử của Bệnh viện Y học cổ truyền.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà): Phòng Tài chính kế toán, Trưởng các phòng khoa/phòng của Bệnh viện Y học cổ truyền và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cổng TTĐT; TCKT, VT.



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

BSCKII - ThS: *Khổng Hữu Cường*

Đơn vị: Bệnh viện Y học cổ truyền

Mã quan hệ ngân sách: 1021447

Chương: 423

QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 113/QĐ-YHCT ngày 31/3/2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết	Số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
A	Quyết toán thu:	58.598	58.598	
1	Ngân sách Nhà nước	27.668	27.668	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	14.788	14.788	
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	<i>14.788</i>	<i>14.788</i>	
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không giao tự chủ	12.880	12.880	
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ không giao tự chủ</i>	<i>2.948</i>	<i>2.948</i>	
	<i>Kinh phí thực hiện NQ05</i>	<i>9.073</i>	<i>9.073</i>	
	<i>Kinh phí tiền thưởng (theo NĐ73 /2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024)</i>	<i>859</i>	<i>859</i>	
2	Nguồn thu dịch vụ	30.921	30.921	
2.1	Số thu dịch vụ khám chữa bệnh	29.879	29.879	
2.2	Số thu dịch vụ yêu cầu	883	883	
2.3	Số thu hoạt động khác	159	159	
3	Kinh phí năm 2023 chuyển năm 2024	9	9	
B	Quyết toán chi	44.472	44.472	
1	Ngân sách Nhà nước	25.636	25.636	

1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	14.693	14.693	
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	<i>14.693</i>	<i>14.693</i>	
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không giao tự chủ	10.943	10.943	
	<i>Kinh phí thực hiện chế độ không giao tự chủ</i>	<i>1.011</i>	<i>1.011</i>	
	<i>Kinh phí thực hiện NQ05</i>	<i>9.073</i>	<i>9.073</i>	
	<i>Kinh phí tiền thưởng (theo NĐ73 /2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024)</i>	<i>859</i>	<i>859</i>	
2	Nguồn thu dịch vụ	18.836	18.836	
2.1	Chi nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh	18.546	18.546	
2.2	Chi nguồn thu dịch vụ yêu cầu	273	273	
2.3	Chi nguồn thu hoạt động khác	17	17	
C	Kinh phí tiết kiệm 5% (theo NQ119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ)	95	95	
D	Kinh phí chuyển năm sau	1922	1922	
E	Kinh phí hủy	24	24	
D	Trích lập các quỹ	12.085	12.085	
1	Quỹ khen thưởng	102	102	
2	Quỹ phúc lợi	1.614	1.614	
3	Quỹ bổ sung thu nhập	4.502	4.502	
4	Quỹ phát triển hoạt động SN	1.550	1.550	
5	Quỹ hỗ trợ khám bệnh chữa bệnh	50	50	
6	Nguồn cải cách tiền lương	4.267	4.267	

